

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Hoàng Nhủ.
2. Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hoài B, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Đàm Hồng L, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa, ông Trần Hoài B trình bày: Vào năm 1998 ông và bà Đàm Hồng L chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên giữa ông và bà Đàm Hồng L không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông yêu cầu ly hôn bà Đàm Hồng L. Về con chung, có hai người tên là Trần Quốc S, sinh ngày 20-7-1999 và Trần Cát T, sinh ngày 16-9-2007. Hiện Trần Quốc S đã trưởng thành và Trần Cát T đang do ông nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Cát T, không yêu cầu bà Đàm Hồng L

cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01-11-2017, bà Đàm Hồng L trình bày: Về thời gian sống chung với ông Trần Hoài B và không đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Trần Hoài B trình bày. Nay ông Trần Hoài B yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung, có hai người tên là Trần Quốc S và Trần Cát T đúng như ông Trần Hoài B đã khai. Bà đồng ý giao Trần Cát T cho ông Trần Hoài B tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Trần Hoài B yêu cầu ly hôn bà Đàm Hồng L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bà Đàm Hồng L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Đàm Hồng L là có cơ sở.

[2] Xét về hôn nhân, ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có 02 người tên là Trần Quốc S, sinh ngày 20-7-1999 và Trần Cát T, sinh ngày 16-9-2007. Đối với Trần Quốc S hiện đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động sinh sống, nên không đặt ra xem xét. Riêng Trần Cát T hiện đang do ông Trần Hoài B nuôi dưỡng. Ông Trần Hoài B yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Cát T và ông không yêu cầu bà Đàm Hồng L cấp dưỡng nuôi con. Bà Đàm Hồng L đồng ý giao Trần Cát T cho ông Trần Hoài B nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Đồng thời Trần Cát T cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông Trần Hoài B. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trần Hoài B chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Hoài B và bà Đàm Hồng L như sau: Ông Trần Hoài B chịu trách nhiệm và tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Trần Cát T (giới tính nữ), sinh ngày 16-9-2007. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hoài B không yêu cầu bà Đàm Hồng L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đàm Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trần Hoài B phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006788 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Trần Hoài B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Hoài B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đàm Hồng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương